TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2025/DSST
Ngày: 17/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Anh Lê Nguyễn Minh Tùng;
2. Bà Ngô Thị Mỹ Lợi;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2024/TLST- DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/QĐST – DS ngày 4/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1944;

2. Bà Nguyễn Kim S, sinh năm 1944 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Cùng địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là anh Hồ Thanh B, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Hồ Tuấn A, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Thị Mỹ L, sinh năm 1971 (có mặt);

2. Bà Hồ Thị Chính N, sinh năm 1981;

Người đại diện cho bà Hồ Thị C Nhiều là bà Hồ Thị Mỹ V, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Hồ Thị Mỹ H, sinh năm 1983;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Hồ Thanh B, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

4. Bà Hồ Lệ T, sinh năm 1965 (vắng mặt);

5. Ông Hồ Thanh B, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: Ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

6. Bà Hồ Thị Mỹ V, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Kim S, ông Hồ Văn Đ ủy quyền cho ông Hồ Thanh B trình bày:

Ông Hồ Văn Đ được Nhà nước cấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DG 840-1, số vào số CS 10456, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 19/10/2022, được quyền sử dụng 1.976m^2 đất cây lâu năm, thuộc thửa số 1989, tờ bản đồ số 59.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BH 995689, số vào số CH 01400, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 01/08/2012, được quyền sử dụng 4.630m^2 đất trồng lúa nước, thuộc thửa số 1286, tờ bản đồ số 59.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DD970310, số vào số CS 09798, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 12/05/2022, được quyền sử dụng 3.878m^2 đất cây lâu năm, thuộc thửa số 1074, tờ bản đồ số 59.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS 454260,số vào số CH 03025; do UBND huyện C cấp ngày 08/10/2014, được quyền sử dụng 16.749m^2 đất trồng lúa nước, thuộc thửa số 1079, tờ bản đồ số 59.

Tất cả 04 thửa đất trên tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Kim S được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC 237520, số vào sổ CS 09460, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh

Đ cấp ngày 19/07/2021, được quyền sử dụng 8.601m^2 đất trồng lúa nước, thuộc thửa số 991, tờ bản đồ số 59, thửa đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tất cả thửa đất nêu trên hiện do ông Hồ Văn Đ và Nguyễn Kim S trực tiếp quản lý, sử dụng.

Ông Hồ Văn Đ và Bà Nguyễn Kim S có ý định chia đất cho các con nên có đưa các giấy tờ liên quan đến đất đai để ông Hồ Tuấn A là con út trong gia đình đi liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục tặng cho đất. Ngày 16/09/2023, Văn phòng C1 đã chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn Đ và bà Nguyễn Kim S với các con: Hồ Thanh B, Hồ Thị Mỹ H, Hồ Thị Mỹ V và Hồ Tuấn A. Với các số công chứng: số 4538, quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD; số 4541, quyển số 1/2023 TP/CC- SCC/HĐGD; số 4549, quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD; số 4551, quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD; số 4543, quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD; số 4542, quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD; số 4552, quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD; số 4539, quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD; số 4537, quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HDGD;

Do có nhiều thửa đất, ông Hồ Văn Đ và bà Nguyễn Kim S không hiểu rõ thủ tục tặng cho đất các con và cũng tin tưởng ông Tuấn A nên ký tên vào các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà không đọc nội dung nên không biết nội dung ghi trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã sai ý định của ông bà cụ thể ông bà muốn chia cho các con mỗi người ai cũng có mặt tiền giáp lộ và các con được đứng tên phần của mình được tặng cho. Nhưng ông Tuấn A lại thực hiện hợp đồng chia đất ở vị trí khác, phần đất ông Tuấn A được cho có diện tích nhiều hơn số diện tích đất ông bà muốn tặng cho ông Tuấn A, diện tích đất ông bà cho những người con gái thì có tên ông Tuấn A đứng tên sử dụng chung.

Sau khi biết nội dung các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã sai ý định của mình nên ông Đ, bà S có đến Văn phòng C1 đề nghị hủy các hợp đồng tặng cho đất. Văn phòng C1 có mời ông bà và những người liên quan đến để hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, những người con khác đều đồng ý chỉ có Hồ Tuấn A không đồng ý nên không thể hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Để việc tặng cho đất các con đúng với ý chí và nguyện vọng của mình nên ông Đ và bà S yêu cầu tuyên bố vô hiệu các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất như sau:

1. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn Đ với Hồ Tuấn A thửa đất số 2013/1097 tờ bản đồ số 59 diện tích 3.739m^2, số công chứng 4538 quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Thửa đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Kim S với Hồ Tuấn A thửa đất số 991, tờ bản đồ số 59, diện tích 8.60lm^2 số công chứng: 4549 quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Thửa đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn Đ với Hồ Tuấn A thửa đất số 2010/1074 tờ bán đồ số 59, diện tích 2.297m^2 số công chứng :4551, quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Thửa đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn Đ với Hồ Tuấn A thửa đất số 2008/1989 tờ bản đồ số 59 diện tích 1.054m^2 số công chứng: 4543, quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Thửa đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn Đ với Hồ Tuấn A thửa đất số 2011/1097, tờ bản đồ số 59, diện tích 6.321m^2 số công chứng: 4537 quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HDGD. Thửa đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

6. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn Đ với Hồ Thị Mỹ V, Hồ Thị Mỹ H, Hồ Tuấn A thửa đất số 2012/l074, tờ bản đề số 59 diện tích 6.689m^2 số công chứng: 4539,quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Thửa đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

7. Vô hiệu hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa ông Hồ Văn Đ với Hồ Thị Mỹ V, Hồ Tuấn A, Hồ Thị Mỹ H thửa đất số 2009/1074, tờ bản đồ số 59 diện tích 1.581m^2 số công chứng: 4552, quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Thửa đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn ông Hồ Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hồ Thị Mỹ L1, Hồ Thị Mỹ H, Hồ Lệ T, Hồ Thị Mỹ V và Hồ Thanh B thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 phát biểu về việc tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng qui định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại các Điều 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Hồ Tuấn A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Lệ T chưa thực hiện theo qui định tại điều 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự là không có mặt tại phiên tòa.

Nội dung giải quyết vụ án: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh Hồ Văn Đ, bà Nguyễn Kim S và anh Hồ Tuấn A, Hồ Thị Mỹ H, Hồ Thị Mỹ V là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được lập tại Văn phòng canh chứng C giữa ông Hồ Văn Đ, bà Nguyễn S và ông Hồ Tuấn A, Hồ Thị Mỹ H, Hồ Thị Mỹ V là vô hiệu; Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết là "Tranh chấp về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Bị đơn ông Hồ Tuấn A cư trú tại xã T tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân khu vực 8 thụ lý giải quyết theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Hồ Tuấn A, bà Hồ Lệ T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điều 227 tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tuấn A và bà Lệ T.

[2] Về nội dung: nguyên đơn yêu cầu tuyên bố các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập tại Văn phòng canh chứng C giữa anh Đ, bà S và ông Hồ Tuấn A, bà Hồ Thị Mỹ V, Hồ Thị Mỹ H là vô hiệu;

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng:

Bà S và ông Đ tạo lập được tổng diện tích khoảng 36.003m^2 với nhiều thửa đất như thửa 256, 275, 274 cùng tờ bản đồ số 26, thửa 1049 tờ bản đồ số 5. Năm 2021, bà S cấp đổi thửa 1049 thành thửa 991 tờ bản đồ số 59. Các thửa đất còn lại quá trình sử dụng anh Đ có chuyển nhượng, bị Nhà nước thu hồi và cấp đổi nên còn lại là thửa 1097, 1074, 1989, 1286; ông Đ, bà S có tất cả 9 người con và đã chia cho các con trai mỗi người khoảng 4.000m^2 đất ruộng và 01 nền nhà. Những người con gái còn lại và Hồ Tuấn A thì chưa được cho đất. Hiện ông bà còn đang đứng tên và quản lý sử dụng tổng diện tích 35.748m^2 ở các thửa đất nêu trên.

[2.2] Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

Ông Đ và bà S trình bày có ý định chia đất cho các con, nhưng do lớn tuổi và đang sinh sống cùng ông Tuấn A, nên ông bà có giao các loại giấy tờ liên quan đến đất đai để ông Tuấn A liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục chia đất cho các con. Tuy nhiên, ông Tuấn A đã lập hợp đồng tặng cho đất không đúng với ý chí nguyện vọng của ông bà cụ thể ông bà muốn chia cho các con phần đất ai cũng có mặt tiền giáp lộ nhưng ông T1 anh chia không đúng vị trí, diện tích mà ông bà muốn cho các con, phần đất ông Tuấn A được cho có diện tích nhiều hơn số diện tích đất anh bà muốn cho ông Tuấn A, diện tích đất cho những người con gái thì ông Tuấn A đứng tên sử dụng chung do đó ông bà yêu cầu xem xét tuyên bố hợp đồng vô hiệu, để ông bà chia đất lại cho phù hợp.

Khoản 1 Điều 401 Bộ luật Dân sự2015 quy định: *"Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật liên quan có quy định khác".*

Tại Điều 459 Bộ luật Dân sự2015 quy định: *"Tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật. Hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký; nếu bất động sản không phải đăng ký quyền sở hữu thì hợp đồng tặng cho có hiệu lực kể từ thời điểm chuyển giao tài sản".*

Tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013định: *"Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực".*

Khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

"...

*3. Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, **tặng cho**, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính."*

Xét thấy ông Đ, bà S và các con của ông bà đều thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Đ và bà S, các hợp đồng tặng cho có công chứng, chứng thực theo qui định, hợp đồng tặng cho không có điều kiện. Tuy nhiên, nội dung hợp đồng không đúng với ý chí của người được tặng cho về vị trí và diện tích đất được cho, diện tích đất tặng cho chưa được chuyển giao và người được tặng cho chưa đăng ký biến động, chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính, chưa đăng ký vào sổ địa chính, những người liên quan cũng đồng ý vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

[2.3] Từ những phân tích trên, nguyên đơn yêu cầu vô hiệu các hợp đồng tặng cho là có căn cứ.

[3] Về án phí: ông Hồ Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, định giá tổng cộng là 14.870.000 đồng. Ông Đ và bà S tự nguyện chịu chi chí xem xét thẩm định, định giá, đo đạc. Ông Đ, bà S đã tạm nộp và đã chi xong.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 117, 122, 127, 457, 459 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 167,188 luật đất đai 2013;

- Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông ông Hồ Văn Đ và bà Nguyễn Kim S.

1.1. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn Đ với Hồ Tuấn A thửa đất số 2013/1097 tờ bản đồ số 59 diện tích 3.739m^2, số công chứng 4538 quyền số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Thửa đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Kim S với Hồ Tuấn A thửa đất số 991, tờ bản đồ số 59, diện tích 8.60lm^2 số công chứng: 4549 quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Thửa đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn Đ với Hồ Tuấn A thửa đất số 2010/1074 tờ bán đồ số 59, diện tích 2.297m^2 số công chứng :4551,quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Thửa đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn Đ với Hồ Tuấn A thửa đất số 2008/1989 tờ bản đồ số 59 diện tích 1.054m^2 số công chứng: 4543,quyền số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Thửa đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn Đ với Hồ Tuấn A thửa đất số 2011/1097, tờ bản đồ số 59, diện tích 6.321m^2 số công chứng: 4537 quyển số 1/2023 TP/CC-SCC/HDGD. Thửa đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.6. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn Đ với Hồ Thị Mỹ V, Hồ Thị Mỹ H, Hồ Tuấn A thửa đất số 2012/l074, tờ bản đề số 59 diện tích 6.689m^2 số công chứng: 4539,quyền số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Thửa đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.7. Vô hiệu hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa ông Hồ Văn Đ với Hồ Thị Mỹ V, Hồ Tuấn A, Hồ Thị Mỹ H thửa đất số 2009/1074, tờ bản đồ số 59 diện tích 1.581m^2 số công chứng: 4552, quyền số 1/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Thửa đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Về án phí: Ông Hồ Tuấn A phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, định giá tổng cộng là 14.870.000 đồng. Ông Đ và bà S tự nguyện chịu chi chí xem xét thẩm định, định giá, đo đạc. Ông Đ, bà S đã tạm nộp và đã chi xong.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân Khu vực 8;
- Các đương sự;
- THA dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan